TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRÀ MY** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HS-ST
Ngày 20-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRÀ MY, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Tám.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kiều Văn Thoan;
Bà Vũ Thị Như Thuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông CaoVăn Cần - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Vấn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2018/TLST-HS, ngày 28/02/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-HS ngày 09/3/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị M**, sinh ngày 01/01/1997 tại huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam; Nơi cư trú: Thôn 02, xã Trà Cang, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Xê đăng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hoàng H và bà Hồ Thị Th; bị cáo chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo có nhân thân tốt. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/8/2017 đến ngày 18/3/2018 và bị thay đổi biện pháp ngăn chặn theo Quyết định bắt, tạm giam số 03/2018/HSST-QĐTG ngày 14/3/2018 của Chánh án TAND huyện Nam Trà My. Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 19/3/2018 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Anh Trần Văn M, sinh năm 1995; trú tại thôn 2, xã Trà Cang, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Văn Hương - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Bà Hồ Thị Th, sinh năm: 1975.
Trú tại thôn 02, Trà Cang, Nam Trà My, Quảng Nam. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Hoàng H, sinh năm 1968; Trú tại thôn 02, Trà Cang, Nam Trà My, Quảng Nam. Có mặt tại phiên tòa.

- Những người làm chứng:

Bà Hồ Thị H, sinh năm 1962; trú tại thôn 02, xã Trà Cang, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam.

Chị Hồ Thị T, sinh năm 1981; trú tại thôn 02, xã Trà Cang, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam..

Chị Hồ Thị Ng, sinh năm 2003; trú tại thôn 02, xã Trà Cang, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam.

Anh Huỳnh Hồng Th, sinh năm 1990; trú tại thôn 4, xã Trà Linh, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam.

Tất cả đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Người phiên dịch: Bà Hồ Thị Yến D, sinh năm 1984; trú tại thôn 02, xã Trà Cang, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 16/8/2017, trong lúc ngồi ăn cơm chiều và uống rượu tại nhà ông Trần Hoàng H (nhà của cha mẹ bị cáo, tại thôn 02, xã Trà Cang, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam) gồm có các ông, bà: Trần Hoàng H - sinh năm 1968 (cha ruột của bị cáo), Hồ Thị Th - sinh năm 1975 (mẹ ruột của bị cáo), Hồ Thị H - sinh năm 1962, Hồ Thị T - sinh năm 1981, Hồ Thị Ng - sinh năm 2003. (Tất cả cùng trú tại thôn 02, xã Trà Cang, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam) và Huỳnh Hồng Th, sinh năm 1990 (trú tại thôn 4, xã Trà Linh, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam). Trong lúc này, giữa bị cáo Trần Thị M và mẹ ruột là bà Hồ Thị Th có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau. Nguyên nhân là do bà Th la mắng M vì cho rằng M đã có hành vi trộm cắp Mía của hàng xóm, M cãi lại vì cho rằng không hề có việc trộm cắp đó. Trong lúc cãi nhau, bà Th dùng tay phải tát một cái vào mặt và véo một cái vào tai cùng phía bên trái của M. Tức giận vì bị mẹ la mắng oan trước mặt nhiều người và bị đánh đau, M nói với bà Th: "***Có tin con dùng dao đâm mẹ không nề***", rồi M đứng dậy đi đến gần chỗ bếp ăn, bà Th cũng đi theo, M liền rút con dao tự chế để trên vách nhà bằng gỗ, tay phải của M cầm dao đâm ngược về phía sau lưng (vị trí bà Th đang đứng) với lực mạnh, trúng vào vùng hạ sườn hông bên phải của bà Th và M rút con dao ra. Thấy vậy, ông H chạy đến giật lấy con dao từ tay của M rồi nhanh chóng cùng hàng xóm đưa bà Th đi cấp cứu tại Bệnh viện huyện Nam Trà My, sau đó chuyển xuống Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam để điều trị.

Đến 21 giờ cùng ngày, bị cáo Trần Thị M đã đến Cơ quan Điều tra Công an huyện Nam Trà My đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi của mình đã gây ra Th tích cho bà Th.

Ngày 27/8/2017, bà Hồ Thị Th có đơn báo cáo sự việc xảy ra tại nhà đã gây Th tích cho bà và gửi đến Công an huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam.

Theo kết luận tại Bản giám định Th tích số 241/GĐTT.17, ngày 23/8/2017 của Trung tâm Pháp y tỉnh Quảng Nam đã kết luận tỷ lệ Th tích mà bị cáo Trần Thị M đã gây ra cho bà Hồ Thị Th là 59% (Năm mươi chín) phần trăm.

Tại kết luận giám định Pháp y tâm thần số 91/KLGĐTC, ngày 29/01/2018 của Trung tâm Pháp y Tâm thần khu vực Miền Trung đã kết luận: Trước thời điểm M có hành vi gây Th tích cho bà Th (gây án) cũng như tại thời điểm gây án, sau thời điểm gây án và tại thời điểm hiện tại, bị cáo Trần Thị M bị Hội chứng sau chấn động não, mức độ suy nhược chấn Th (F07.2) dẫn đến ***hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.***

Tại Bản cáo trạng số 09/CTr-VKS, ngày 29/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam truy tố bị cáo Trần Thị M về tội "***Cố ý gây Th tích***" theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 3 Điều 104; các điểm n, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47 và Điều 60 BLHS năm 1999. Căn cứ Nghị quyết 41/2017/NQ-QH14 của Quốc hội để áp dụng theo hướng có lợi cho bị cáo theo điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Thị M từ 30 (Ba mươi) đến 36 (Ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng.

- Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 (Một) con dao tự chế có chiều dài 51cm (Năm mươi mốt centimet) đã qua sử dụng có phần lưỡi dao nhọn được làm bằng Kim loại có chiều dài 18cm (Mười tám centimet), phần cán dao được là bằng Tre nứa, hình trụ tròn, đường kính 2,1cm (Hai phẩy một centimet), chiều dài cán dao 33cm (Ba mươi ba centimet).

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Người bào chữa cho bị cáo:

Thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện về tội danh và hình phạt. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, đồng thời cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Nam Trà My, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị

cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Thị M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Bản cáo trạng của Viện Kiểm sát. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ các chứng cứ trên có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 15 giờ 30 ngày 16/8/2017, xuất phát từ việc mâu thẫn giữa bị cáo Trần Thị M và mẹ ruột là bà Hồ Thị Th; vì bà Th la mắng M trộm cắp Mía của hàng xóm, M cãi lại vì cho rằng không hề có việc trộm cắp đó. Trong lúc cãi nhau, bà Th dùng tay tát vào mặt và véo vào tai của M. Tức giận vì bị mẹ la mắng oan trước mặt nhiều người và bị đánh đau, M đến gần vách nhà bằng gỗ rút con dao đâm ngược về phía sau, trúng vào vùng hạ sườn hông bên phải của bà Th gây Th tích với tỷ lệ 59%. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội và đến thời điểm hiện tại, bị cáo M do bị Hội chứng sau chấn động não, dẫn đến hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi. Vì vậy, bị cáo không thuộc trường hợp không có năng lực trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 13 BLHS năm 1999, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Con dao bị cáo sử dụng để đâm bà Th được coi là hung khí nguy hiểm (Điểm a khoản 1 Điều 104 BLHS 1999) và bị hại là mẹ ruột của bị cáo (Điểm đ khoản 1 Điều 104 BLHS 1999) với tỷ lệ Th tích 59%, nên hành vi của bị cáo đã phạm tội "Cố ý gây Th tích" được quy định tại khoản 3 Điều 104 BLHS năm 1999. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trà My đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền bảo hộ về sức khỏe của con người, gây ảnh hưởng xấu đến truyền thống đạo đức của dân tộc ta, gây hoang mang dao động trong nhân dân, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Chỉ vì một mâu thuẫn nhỏ mà bị cáo đã có hành vi làm tổn hại đến sức khỏe cho chính mẹ ruột của mình. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, không biết tôn trọng và yêu Th người khác mà ở đây chính là mẹ ruột của mình. Do đó bị cáo phải nhận lấy hậu quả do mình gây ra và nên xử bị cáo với mức hình phạt phù hợp, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời làm gương cho những người khác.

Tuy nhiên, tại thời điểm phạm tội bị cáo đang bị Hội chứng sau chấn động não, dẫn đến hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi (Điểm n khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999); trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (Điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999). Sau khi phạm tội bị cáo đã đến Cơ quan Điều tra Công an huyện để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn; bị cáo có nhân thân tốt; trong việc này người bị hại cũng có một phần lỗi và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; sau khi bị hại xuất viện trở về nhà, bị cáo là người trực tiếp chăm sóc cho bị hại (Khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999). Xét về

điều kiện nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích trên cho thấy: Trong vụ án cụ thể này, việc cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để răn đe, phòng ngừa, giáo dục là cần thiết. Tuy nhiên, khi áp dụng hình phạt tù cần xem xét giảm nhẹ đến mức có thể về hình phạt đối với bị cáo để đảm bảo tính nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta. Do vậy, cần áp dụng Điều 47 BLHS năm 1999 và xử bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nam Trà My:

Việc đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 60 BLHS năm 1999, xử phạt bị cáo từ 30 (Ba mươi) đến 36 (Ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng. Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng. Chỉ vì không đồng ý với việc giáo dục của mẹ ruột mà bị cáo dùng dao đâm, gây Th tích cho mẹ mình đến 59%. Hành vi phạm tội của bị cáo có khung hình phạt từ 5 đến 10 năm tù; việc áp dụng Điều 47 BLHS năm 1999 để quyết định hình phạt, xử bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề là đã xem xét đầy đủ, toàn diện các tình tiết giảm nhẹ của vụ án, đã thể hiện đầy đủ tính nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta và phù hợp với yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm nói riêng trên địa bàn huyện Nam Trà My. Do vậy, việc đại diện Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo là không tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, không phù hợp với các quy định của pháp luật Hình sự, nên không xem xét chấp nhận.

[5] Về ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Tại phiên tòa, người bào chữa có quan điểm thể hiện thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 46, 47, 60 BLHS năm 1999 xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề và cho bị cáo được hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy, việc áp dụng Điều 47 để quyết định hình phạt và xử bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề là đã xem xét đầy đủ, toàn diện về điều kiện nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của vụ án. Do vậy, đề nghị của người bào chữa là không có cơ sở để xem xét chấp nhận.

Riêng về đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015 để làm căn cứ áp dụng hình phạt đối với bị cáo nhằm đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo theo Nghị quyết 41/2017/QH14 của Quốc hội là có căn cứ, do đó cần chấp nhận đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo.

[6] Về áp dụng pháp luật: Tuy hành vi của bị cáo được thực hiện trước ngày 01/01/2018, ngày Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 chưa có H lực thi hành; nhưng để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm c, khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 làm căn cứ để quyết định hình phạt đối với bị cáo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa

hôm nay, người bị hại là bà Hồ Thị Th không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng:

- 01 (Một) con dao tự chế dài 51cm (Năm mươi mốt centimet) có phần lưỡi dao nhọn được làm bằng Kim loại dài 18cm (Mười tám centimet), chỗ rộng nhất 2,3 cm (Hai phẩy ba centimet), sống dao dày 01 mm (Một milimét); phần cán dao được làm bằng thân cây Tre nứa, có hình trụ tròn, đường kính 2,1cm (Hai phẩy một centimet), dài 33cm (Ba mươi ba centimet) đã qua sử dụng. Xét thấy con dao không còn giá trị sử dụng và cũng tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người bị hại có ý kiến không nhận lại con dao này, nên cần tịch thu tiêu hủy là hợp với quy định của pháp luật.

- 01 (Một) cái áo thun màu trắng, có nhiều hoa văn hình bông hoa màu đỏ đã cũ, là áo mà bà Th đã mặc khi bị Trần Thị M dùng dao đâm gây Th tích, ông Trần Hoàng H đã vứt trên đường đưa bà Th đi cấp cứu. Trong quá trình điều tra, Cơ quan Điều tra Công an huyện không thu thập được, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí Hình sự sơ thẩm: Bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn. Do đó cần áp dụng Điều 12 và Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; miễn tiền án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

***Vì các lẽ trên*.**

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội; áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015; các điểm n, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thị M phạm tội "***Cố ý gây Th tích***".

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Thị M 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 19/3/2018).

Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 (Một) con dao tự chế dài 51cm (Năm mươi mốt centimet) có phần lưỡi dao nhọn được làm bằng Kim loại dài 18cm (Mười tám centimet), chỗ rộng nhất 2,3 cm (Hai phẩy ba centimet), sống dao dày 01 mm (Một milimét); phần cán dao được làm bằng thân cây Tre nứa, có hình trụ tròn, đường kính 2,1cm (Hai phẩy một centimet), dài 33cm (Ba mươi ba centimet) đã qua sử dụng.

Án phì Hình sự sơ thẩm: Miễn tiền án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Bị cáo Trần Thị M không phải nộp tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người đại diện hợp pháp của bị cáo vắng mặt tại phiên tòa

có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Nam Trà My;
- Công an huyện Nam Trà My;
- Chi cục THA Dân sự huyện Nam Trà My;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- Người đại diện hợp pháp;
- UBND xã Trà cang;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Thị Thu Tám